

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-9-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

2. Ông Lê Phú Chánh Thê.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 232, ấp Bình Phú, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Phan Văn L, sinh năm 1972.

ĐKTT: ấp Thận Cần, xã Bắc Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Tạm trú: Số nhà 232, ấp Bình Phú, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà H và ông L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản ghi ý kiến của đương sự, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Việt H trình bày:

Bà và bị đơn ông Phan Văn L tự nguyện kết hôn vào năm 1997, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi

kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc tại tỉnh Long An là quê của ông L. Ông bà chung sống đến năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chủ yếu là do ông L ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh bà, hay tranh cãi lẫn nhau. Do công việc của bà là tham gia công tác xã hội và bán hàng trên mạng nên thường xuyên đi vắng nhà nhưng ông L không hiểu mà nghi ngờ, ghen tuông. Đến khoảng năm 2009, do không chịu đựng nổi nữa nên mẹ con bà về Bến Tre sinh sống. Năm 2012, ông L chủ động đến hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì thương con nên bà đồng ý tiếp tục chung sống với ông L, hy vọng ông sẽ thay đổi. Năm 2015, sau khi sinh người con thứ tư, ông bà xảy ra nhiều bất đồng hơn, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng đến mức không thể nào tự giải quyết được. Tuy còn sống chung nhà nhưng 05 năm qua, ông bà có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau. Bà xác định hiện tại bà không còn tình cảm với ông L, ông bà không thể chung sống được nên bà xin ly hôn với ông L.

Bà và ông L có 04 người con chung là Phan Nguyễn Hoài A, sinh năm 1999, Phan Nguyễn Khánh D, sinh năm 2002, Phan Nguyễn Hoài P, sinh ngày 15/4/2006 và Phan Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/01/2015. Hiện Hoài A và Khánh D đã thành niên, có thể tự lo cho bản thân; Hoài P và Quốc Đ đang sống với bà. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng Hoài P và Quốc Đ, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

Bà và ông L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự, bị đơn ông Phan Văn L trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2001 phát sinh mâu thuẫn do bà H đi làm cả tuần không về nhà, còn chụp hình chung với người đàn ông khác đăng lên mạng nên ông có tranh cãi với bà H. Hiện tại ông bà có 02 nơi ở là ở Long An và Bến Tre nên ông đi qua lại 02 nơi này. Ông không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình cho 04 người con trai vì các con chưa lập gia đình, để các con có cha mẹ đầy đủ.

Ông không tranh chấp tài sản chung với bà H, ông và bà H không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà H trình bày năm 2002, bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó ông bà hàn gắn lại chung sống với nhau. Thời gian sau ông bà lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2016 cho đến nay, ông bà không chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống. Do mâu thuẫn của ông bà đã kéo dài nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông L. Về con chung bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoài P và cháu Quốc Đ, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con. Bà không tranh chấp tài sản chung với ông L, bà và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L trình bày cách nay 02 tháng, bà H có dẫn người đàn ông khác về nhà, con ông phát hiện và thông báo cho ông. Lúc này, ông có đánh bà H. Ông và bà H ly thân từ năm 2017. Tuy nhiên, ông vẫn không đồng ý ly hôn với bà H vì ông còn thương vợ, thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung là Hoài P và Quốc Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con. Ông sẽ lo cho con theo khả năng của mình. Ông không tranh chấp

tài sản chung với bà H, ông và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, bà H không được bán các tài sản chung mà để lại cho các con. Trường hợp bà H bán các tài sản chung thì ông sẽ nộp đơn khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chưa tham gia đầy đủ các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt H về việc yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn L, cụ thể:

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Việt H được ly hôn với ông Phan Văn L.

- Về con chung: hai con chung Phan Nguyễn Hoài A, sinh năm 1999 và Phan Nguyễn Khánh D, sinh năm 2002, cả hai đã trưởng thành có khả năng lao động, có thể tự lo cho bản thân được nên không xem xét.

Giao hai con chung Phan Nguyễn Hoài P, sinh ngày 15/4/2006 và Phan Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Việt H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con.

Vì lợi ích của con, bà Nguyễn Thị Việt H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Việt H, ông Phan Văn L trình bày không tranh chấp.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Việt H, ông Phan Văn L trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con

với bị đơn ông Phan Văn L. Ông L cư trú tại xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 9 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H và ông L thì giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016-2017 cho đến nay. Thời gian qua, ông bà không cải thiện được tình trạng hiện tại để tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau mà bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Đối với ông L, ông không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành động viên cho ông bà đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết xin ly hôn.

Xét thấy giữa bà H và ông L không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống ly thân trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà H và ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H để giải quyết cho bà H được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: căn cứ vào hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà H và ông L, xét thấy bà H và ông L có 04 người con chung là Phan Nguyễn Hoài A, sinh năm 1999; Phan Nguyễn Khánh D, sinh năm 2002; Phan Nguyễn Hoài P, sinh ngày 15/4/2006; Phan Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/01/2015. Hoài A và Khánh D là người thành niên, tự lao động sinh sống được. Cháu Hoài P và cháu Quốc Đ hiện đang sống với bà H. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Hoài P và cháu Quốc Đ, các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, ông L cũng thống nhất vấn đề này. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu Hoài P và cháu Quốc Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà H có quyền yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hoài Phú và Quốc Đạt. Tuy nhiên do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận bà H và ông L cùng trình bày ông bà không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt H. Bà Nguyễn Thị Việt H được ly hôn với ông Phan Văn L.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Việt H và ông Phan Văn L có 04 người con chung là Phan Nguyễn Hoài A, sinh năm 1999; Phan Nguyễn Khánh D, sinh năm 2002; Phan Nguyễn Hoài P, sinh ngày 15/4/2006; Phan Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/01/2015.

Phan Nguyễn Hoài A và Phan Nguyễn Khánh D là người thành niên, tự lao động sinh sống được.

Giao cháu Phan Nguyễn Hoài P, sinh ngày 15/4/2006 và cháu Phan Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/01/2015 cho bà Nguyễn Thị Việt H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Việt H không yêu cầu ông Phan Văn L cấp dưỡng cho con.

Ông Phan Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Thị Việt H và ông Phan Văn L cùng trình bày ông bà không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Việt H phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008262 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện T,
tỉnh Long An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền